

Tổ Chức Bộ Máy Cai Trị

a) Phân bố mới về chính trị và hành chính việc cai trị



1. Lục Tỉnh Nam Kỳ, nay là thuộc địa Pháp, được cai trị bởi một thống đốc, với sự trợ tá của một hội đồng tư vấn.
2. Trụ sở chính quyền đặt tại Sài Gòn trong tỉnh Gia Định, đây là đô thành thiết kế theo kiểu Âu Châu, nơi đặt văn phòng nhiều cơ quan công vụ như: dinh thống đốc, nha giám đốc nội vụ, tòa án, tòa thượng thẩm, tòa sơ thẩm, tòa án thương mại, tòa giám mục, hải quân công xưởng, sở quản trị hải quân và tài chính, sở chỉ huy bộ binh, phòng thương mại, sở điện tín trung ương v.v...
3. Thói quen vẫn giữ cho Nam Kỳ thuộc Pháp cách phân chia các tỉnh như dưới thời quan ta. Nhưng danh xưng đó không bao hàm một nền hành chính riêng hay đặc biệt cho mỗi tỉnh như trong quá khứ. Nay sự cai trị (các tỉnh) hoàn toàn lệ thuộc vào chính quyền ở Sài Gòn.

Việc cai trị bản xứ được trao cho các viên thanh tra hay tham biện, và địa bàn thuộc quyền cai trị của họ gọi là hạt thanh tra (hay là hạt). Giúp việc cho các quan Tây, còn có các quan lại bản xứ, trong đó có những tên tay sai hết sức đắc lực.

Còn việc nội trị tổng quát trong xứ thì tập trung cả ở Sài Gòn, trong các văn phòng của Nha Giám đốc Nội vụ. Tham biện các địa hạt trực tiếp thuộc quyền giám đốc nội vụ; giám đốc nội vụ chuyển cho họ mọi chỉ thị và mệnh lệnh hành chính; tham biện phải báo cáo cho giám đốc nội vụ mọi sự việc và tình hình có can hệ đến việc điều hành công tác thuộc địa.



Dinh toàn quyền Đông Dương

4. Năm 1875, tất cả có 20 địa hạt, do các viên tham biện cai trị - chia ra như sau:

Ba địa hạt ở miền Đông, tức là:

1. Biên Hòa
2. Bà Rịa
3. Thủ Dầu Một

Sáu địa hạt ở trung tâm:

4. Tây Ninh
5. Sài Gòn
6. Chợ Lớn
7. Gò Công
8. Tân An
9. Mỹ Tho

Ba địa hạt ở miền Nam:

10. Bến Tre
11. Trà Vinh



Nhà đương cuộc Pháp ở Sài Gòn
tiếp sứ bộ Phan Thanh Giản

12. Sóc Trăng

Tám địa hạt ở miền Tây:

13. Vĩnh Long

14. Sa Đéc

15. Long Xuyên

16. Trà Ôn

17. Châu Đốc

18. Hà Tiên

19. Rạch Giá

20. Phú Quốc, sau bãi bỏ và sáp nhập vào Hà Tiên như xưa, theo nghị định ngày 16-6-1875.

Những địa hạt đó gọi theo tên lị sở chia ra tổng, tổng chia ra xã thôn.

5. Sau đây là bảng kê lục tỉnh và các địa hạt thống thuộc:

1. Gia Định - 5: Sài Gòn, Chợ Lớn, Tây Ninh, Tân An, Gò Công
2. Định Tường - 1: Mỹ Tho
3. Biên Hòa - 3: Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một
4. Vĩnh Long - 3: Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre
5. An Giang - 5: Châu Đốc, Long Xuyên, Trà Ôn, Sa Đéc, Sóc Trăng.
6. Hà Tiên - 3: Hà Tiên, Rạch Giá, Phú Quốc (giải thể ngày 1-7-1875)

6. Những địa hạt trên liên lạc với nhau:

1. Bằng các trạm với Sài Gòn làm đầu tuyến và dịch vụ này do lính trạm đảm đương.
2. Bằng các trạm điện tín bắt đầu từ Sài Gòn đến Nam Vang.

Tất cả có 26 trạm điện tín, đó là:

Sài Gòn	Cái Bè
Thủ Dầu Một	Vĩnh Long
Biên Hòa	Bến Tre
Long Thành	Sóc Trăng
Bà Rịa	Sa Đéc
Vũng Tàu	Trà Vinh
Trảng Bàng	Long Xuyên
Tây Ninh	Rạch Giá
Chợ Lớn	Châu Đốc
Bến Lức	Hà Tiên
Gò Công	Nam Vang
Tân An	U Đông
Mỹ Tho	Cần Vọt

Nhiều tuyến điện tín nữa sẽ được đặt liên lạc với đô thành. Chỉ còn địa hạt Cần Thơ là chưa có liên lạc điện tín.

7. Riêng thủ phủ Sài Gòn thì liên lạc với chính quốc (Pháp) qua hãng chuyên chở đường biển và bằng một dây cáp điện tín đặt ngầm dưới biển.
8. Chức năng của thống đốc - Thống đốc đại diện cho thủ tướng chính phủ bên chính quốc (Pháp) và nhận quyền lực từ thủ tướng trao phó. Thống đốc cử nhân viên và công chức; việc cử đặt này không dành cho chính quốc. Thống đốc ban hành nghị định và quyết định, thi hành quyền tối cao về hành pháp và tư pháp đối với dân bản xứ, ấn định các sắc thuế địa phương và qui định các tiêu chuẩn thuế khóa cùng nguyên tắc trong việc thu thuế công cộng.
Tóm lại, thống đốc gồm thâu cả quyền dân sự lẫn quân sự, đồng thời là tổng chỉ huy sư đoàn hải quân ở Nam Kỳ.
9. **Hội đồng tư vấn** - Thống đốc được trợ tá bởi một hội đồng riêng chỉ có tính cách tư vấn, hội đồng này gồm:
 1. Chỉ huy trưởng bộ binh
 2. Chánh sự vụ hành chính
 3. Giám đốc nội vụ
 4. Chủ tọa lý tòa án và hai nhân sĩ người Pháp hiện lưu trú trên đất thuộc địa.
10. **Hành chính tổng quát** - Chúng ta thấy có bốn ngành quản trị tổng quát, đó là:
 1. Hành chính nội vụ
 2. Hành chính hải quân
 3. Hành chính tòa án
 4. Hành chính quân sự
 5. Giám sát thuộc địa (qui định do nghị định ngày 15-4-1873; giải thể bằng nghị định ngày 16 tháng 6 cùng năm).
 6. Kho bạc
11. **Giám đốc nội vụ đứng đầu ngành hành chính nội vụ**, dưới quyền có các phòng coi về:
 1. **Tòa án bản xứ**
 2. Học chính
 3. Tài chính sự vụ như bưu chính, trước bạ và công sản, địa chính, điện tín, sở giám đốc thương cảng.
 4. Sở công chính gồm có ban cầu đường và ban xây dựng công thự dân chính.
 5. Các sự vụ liên quan tới nông nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp.
 6. Cảnh sát, các trại giam và nhà thương.
 7. Tại các địa hạt, các sự vụ bản xứ do tham biện điều khiển và có nhân viên dưới quyền làm các việc nhỏ mọn về hành chính và cảnh sát như phủ, huyện, cai tổng và xã trưởng các làng.
12. Cho tới năm 1874, các tham biện lo các sự vụ bản xứ (sau gọi chủ tỉnh) đầu lựa chọn trong giới sĩ quan thuộc mọi ngành (hải quân). Nhưng từ khi công bố nghị định mới ngày 1 tháng 2 năm 1873, các tham biện hậu bổ phải được chọn trong giới thanh niên có cấp bằng đại học và tuổi từ 28 trở lên.
13. Các sự vụ thuộc phạm vi quản trị hải quân, nghĩa là các sự vụ thuộc trách nhiệm riêng của chính quốc, mà đứng đầu là viên chánh sự vụ hành chính thì coi sóc:
 1. Việc diễm binh
 2. Khí giới và đăng ký hải quân
 3. Tài vụ
 4. Kho lăm và công việc
 5. Binh lương
 6. Bệnh viện

Tất cả các sự vụ trên được điều khiển bởi các sĩ quan thuộc ngành ủy trị hải quân.



14. Đứng đầu nền quản trị tòa án của Pháp là vị chức năng lý có thẩm quyền trên các ngành tư pháp là:
1. Tòa án thương mại
 2. Cảnh sát
 3. Các tham biện giữ nhiệm vụ xét xử mọi vụ kiện bản xứ thuộc tòa sơ thẩm.

Chưởng khế (hay công chứng viên) cũng thuộc quyền chức năng lý.

15. Việc quản trị quân đội, do thống đốc là tổng chỉ huy trực tiếp, thì gồm có:
1. Dịch vụ bộ binh do một thiếu tướng chỉ huy với một tham mưu trưởng phụ tá.
 2. Thủy quân do một sĩ quan thủy sư cầm đầu, ông này coi cả giám đốc thủy quân công xưởng.

(Theo sách *Tiểu giáo trình địa lý Nam Kỳ - Trương Vĩnh Ký - Nguyễn Đình Đầu dịch. NXB Trẻ-1997*)

b). Địa phận Sài Gòn năm 1861

Ngày 11-4-1861, Phó Đô đốc Charner, Tư lệnh quân viễn chinh Pháp, ban hành nghị định quy định ranh giới Sài Gòn nằm trong khu vực giới hạn bởi một bên là rạch Thị Nghè (Arroyod' Avalanche) và rạch Bến Nghé (Arroyo Chinois) với một bên là sông Sài Gòn cùng con đường nối liền chùa Cây Mai với những phòng tuyến cũ của đồn Kỳ Hòa. Cụ thể nhất là Quyết định số 145 ngày 14-8-1862 của Đề đốc Bonard - Thống đốc quân sự đầu tiên - quy định tổ chức hành chính tỉnh Gia Định, trong đó có Sài Gòn. Đây là quyết định căn bản mở đầu cho việc tổ chức hành chính Sài Gòn thời Pháp thuộc. Bonard đã chia tỉnh Gia Định ra ba phủ, mỗi phủ có ba huyện, dưới huyện có tổng, dưới tổng có xã, thôn, lý, ấp. Sài Gòn lúc bấy giờ vừa là tỉnh lỵ »Sà Gia Định vừa là phủ lỵ của phủ Tân Bình là huyện lỵ »yện Bình Dương, còn Chợ Lớn là huyện lỵ »Sà huyện Tân Long, cùng phủ Tân Bình.

Về phương thức cai trị, trong thời gian đầu, thực dân Pháp tạm thời sử dụng các quan phủ, huyện của triều An Nam, cho điều hành công việc tại các phủ, huyện dưới sự chỉ đạo chung của Bộ chánh tỉnh Gia Định là một viên chức Pháp ngạch thanh tra các công việc bản xứ (Inspecteur des affaires indigènes). Riêng người Hoa và những người châu Á khác sống ở Chợ Lớn tuy thuộc huyện Tân Long nhưng được cai trị trực tiếp bởi một thanh tra các công việc của người Hoa (Inspecteur des affaires Chinoises) với sự giúp đỡ của Hội đồng các bang trưởng Hoa Kiều.



Dinh toàn quyền Sài Gòn

c) Thành lập Thành phố Sài Gòn

Năm 1864, Chợ Lớn được tách khỏi Sài Gòn về phương diện quản lý địa bạ, vì một trong những lý do chủ yếu là thành phố người Hoa (Ville Chinoise) đang trên đà thịnh vượng, việc quản lý và mua bán đất đai đòi hỏi phải tách Sài Gòn và Chợ Lớn ra thành hai thương điểm (emporium) riêng biệt. Tuy vậy, trước năm 1867, Sài Gòn chưa được chính thức xem như một thành phố.



Đường phố Chợ Lớn - 1880



Quảng trường Đồng Hồ

Phải đến năm 1867, việc quản lý Sài Gòn mới được chính thức giao phó cho một tổ chức riêng biệt là Ủy ban thành phố, được thành lập do Nghị định số 53 ngày 4-4-1867 của Thống đốc Pháp De La Grandière. Ủy ban thành phố gồm 1 ủy viên và 12 hội viên. Ủy viên được chọn trong số những cư dân châu Á cũng như châu Âu cư trú tại Sài Gòn, không phân biệt quốc tịch.

Ủy ban thành phố biểu quyết về các vấn đề: quản lý tài sản công, ngân sách, biểu thuế, những quy định về việc thu thuế, các dự án xây dựng, sửa chữa lớn, bảo trì, mở mang đường sá, v.v. Ngoài ra, Ủy ban còn được hỏi ý kiến về một số vấn đề liên quan đến hoạt động của thành phố. Mọi hoạt động của Ủy ban thành phố đặt dưới sự giám sát trực tiếp của Đồng lý Nội vụ (Directeur de l'intérieur)- một chức danh quan trọng được thiết lập vào năm 1864, có nhiệm vụ phụ giúp viên Thống đốc trong việc điều khiển chung nền hành chính của những vùng đất đã nằm trong tay thực dân Pháp.

Đến ngày 8-7-1869, tổ chức thành phố Sài Gòn được sửa đổi bởi Nghị định số 131 của Thống đốc Ohier, theo đó, Ủy ban thành phố được cải danh thành Hội đồng thành phố với một chủ tịch hay ủy viên trưởng và 13 ủy viên. Ủy viên trưởng hội đồng thành phố được gọi là Đốc lý Sài Gòn (Maire de Saigon) do Thống đốc bổ nhiệm trong số những công chức Pháp. Thể thức cử nhiệm các ủy viên Hội đồng cũng thay đổi: 6 ủy viên do Thống đốc Nam Kỳ chỉ định, 7 do bầu cử trực tiếp. Nhiệm kỳ của Hội đồng nâng từ 1 năm lên 2 năm. Pétrus Trương Vĩnh Ký là người Việt Nam đầu tiên tham gia vào Hội đồng thành phố Sài Gòn do Nghị định đề cử số 210 ngày 27-9-1869 của Thống đốc Ohier. 8 năm sau, sắc lệnh ngày 8-1-1877 của Chính phủ Pháp thay đổi thành phần của Hội đồng thành phố gồm 13 hội viên: 7 do dân bầu và 6 do chính quyền đề cử: Viên đốc lý cũng do Thống đốc Nam Kỳ bổ nhiệm, có thể chọn trong số các công chức. Sở dĩ có thay đổi hệ thống cấp ban hành văn kiện sửa đổi tổ chức Hội đồng thành phố (sắc lệnh của Tổng thống Pháp thay vì Nghị định của Thống đốc Nam Kỳ) vì lần này sắc lệnh dự liệu việc người nước ngoài có thể tham gia vào Hội đồng thành phố lên 15 người gồm 11 hội viên là người Pháp, 4 hội viên là người bản xứ. Viên đốc lý và hai phụ tá do Thống đốc Nam Kỳ bổ nhiệm.



Dinh toàn quyền Đông Dương

Trong thập niên 1860 và nửa đầu thập niên 1870, thành phố Sài Gòn vẫn nằm trong địa hạt hành chính tỉnh Gia Định. Năm 1880, ngoài Hội đồng thành phố Sài Gòn đang hoạt động, Tổng thống Pháp ký sắc lệnh ngày 8-2-1880 thành lập một Hội đồng quản hạt (Conseilcolonial) trụ sở đặt tại Sài Gòn có chức năng bao trùm toàn thể thuộc địa Nam Kỳ. Và với sắc lệnh ngày 22-4-1880, Chính phủ Pháp đi thêm một bước nữa bằng cách áp dụng hình luật của Pháp trên toàn bộ Nam Kỳ. Hai năm sau (1882) là sự ra đời của các hội đồng hàng huyện (Conseild'arrondissement) do Nghị định ngày 12-6-1882 của Thống đốc Nam Kỳ. Với tổ chức này, thực dân Pháp đã tạm hoàn chỉnh bộ máy cai trị của họ tại Sài Gòn và các địa phương khác để có điều kiện toan tính nốt những phần còn lại của miếng mồi Đông Dương béo bở là Trung và Bắc Kỳ.

d)



Toàn cảnh chợ Bến Thành

Quy hoạch thành phố.

Chỉ hai tháng sau khi Chí Hòa thất thủ, Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp đã ký nghị định ngày 11-4-



Kinh lớn - 1880

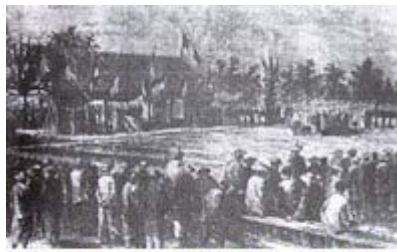
1861 ấn định phạm vi thành phố Sài Gòn. Song quy hoạch này đã không thể thực hiện vì thiếu ngân sách.

Lần quy hoạch thứ hai, do nghị định ngày 3-10-1865, trên cơ sở thành thị Bến Nghé và Sài Gòn cũ. Sài Gòn chỉ rộng không quá 3 cây số vuông và Chợ Lớn chỉ hơn một cây số vuông. Sài Gòn bấy giờ nằm gọn trong quận 1 bây giờ, còn Chợ Lớn là quận 5 hiện nay. Giữa hai thành phố là vùng thuộc địa hạt Sài Gòn. Năm 1885 địa hạt được đổi tên là Gia Định và đến năm 1889 được gọi là tỉnh Gia Định.

Ngày 15-3-1874, Tổng thống Cộng hòa Pháp ký sắc lệnh chính thức thành lập thành phố Sài Gòn. Thành phố được điều hành bởi một viên thống lý, hai viên phó đốc lý và một hội đồng thành phố. Còn Chợ Lớn, chậm hơn hai năm được thành lập do nghị định của thống đốc dân sự đầu tiên là Le Myre de Vilers, ký năm 1879.

Theo thời gian phát triển, dân số tăng lên. Sài Gòn và Chợ Lớn xích lại gần nhau và thực sự tiếp giáp ở khoảng đường Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thiện Thuật bây giờ vào năm 1910.

Trong thời gian nửa thế kỷ, Sài Gòn đã thay đổi, hình thành nên một thành phố Tây Phương. Đường sá được thiếp lập. Dinh thự, phố xá, các khu dân cư cùng với các chợ... được xây dựng. Từ thủ phủ của Gia Định ngũ trấn (Gia Long), Nam Kỳ lục tỉnh (Minh Mạng), Sài Gòn theo thời gian đã trở nên trung tâm của ba tỉnh miền Đông (1862), rồi thủ phủ của Nam Kỳ (1867) và dần trở nên một trung tâm chính trị, kinh tế quan trọng cho toàn Đông Dương.



Khởi công xây nhà Thờ Đức Bà - 1877

Trong thời gian đầu, Pháp xây dựng một khu hành chính làm trung tâm cho thành phố. Chung quanh có rào, bên trong là các dinh Thống đốc, các cơ quan hành chính, nhà dây thép, nhà thương, nhà thờ... tất cả đều làm bằng gỗ. Khu hành chính này ở gần Đồn Đất, trên gò cao. Phía sau là những trại lính, trước mặt nhìn ra sông Sài Gòn là các nhà kho của hải quân.

Dọc theo dòng Bến Nghé, Pháp cho đào các kinh cũ sâu và rộng hơn lấy đất đắp lên bờ. Sau nữa ban đất trên các đồi cao xuống mé sông, lấp kênh đắp đường. Rồi nhà lá gỗ được thay bằng nhà gạch ngói. Chỉ trong hơn ba thập niên, đa số các kiến trúc tiêu biểu của thành phố Sài Gòn như dinh Toàn quyền, dinh Thống đốc, dinh Xã Tây, Nhà hát lớn, Nhà thờ... đã được xây dựng.

(Theo sách 300 năm SG-TPHCM - NXB CTQG - 98)